

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

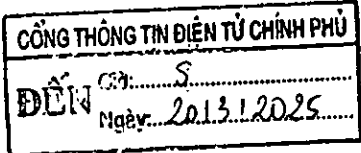
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 625/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài Chính;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 97/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024);

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ kết quả thẩm định “Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 7135/BKHĐT-KTCNDV ngày 06 tháng 9 năm 2024 (nay là Bộ Tài chính);

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (nay là Bộ Tài chính).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (Chiến lược phát triển TKV) với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển đồng bộ và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu các ngành, nghề kinh doanh chính: Công nghiệp than; khoáng sản - luyện kim; điện lực; vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) và các ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; ngành nghề do TKV đang đầu tư vốn kinh doanh; các ngành nghề được cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung theo điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn được Chính phủ ban hành.

2. Đảm bảo hài hoà giữa thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội được Chính phủ giao và hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV. Phát triển TKV bền vững theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hài hoà giữa khai thác sử dụng tài nguyên và trách nhiệm bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) thành tập đoàn kinh tế mạnh, đóng góp vai trò quan trọng vào sự phát triển của kinh tế nhà nước; duy trì vị trí then chốt là một trong ba trụ cột về năng lượng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng của quốc gia; khai thác bền vững, có kế hoạch đầu tư bền vững dài hạn và phù hợp với cam kết của Việt Nam phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Tập đoàn hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế để làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý, quản trị hiện đại và chuyên môn hóa cao, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa (CGH), tự động hóa (TĐH) và chuyển đổi số (CĐS); phát triển nguồn nhân lực

chất lượng cao, phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”; từng bước thực hiện đổi mới, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng ngành, nghề kinh doanh chính và các ngành, nghề liên quan theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về công nghiệp than

- Giai đoạn 2021 - 2030: Sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu đến 20 triệu tấn/năm; xuất khẩu khoảng 1 - 3 triệu tấn/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045: Duy trì sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu tăng đến trên 20 triệu tấn/năm và sau đó giảm dần theo nhu cầu thị trường trong nước; xuất khẩu khoảng 3 - 5 triệu tấn/năm. Phân đầu đẩy mạnh khai thác than tăng 20 - 25% so với năm 2024.

b) Về công nghiệp khoáng sản - luyện kim

- Giai đoạn 2021 - 2030:

+ Sản phẩm từ quặng bô xít: alumin 1,4 - 2,8 triệu tấn/năm. Đến năm 2030, phân đầu sản xuất titan nhôm thời đầu tiên.

+ Sản phẩm từ quặng titan: tinh quặng ilmenit 160 ngàn tấn/năm; xi titan: 50 - 100 ngàn tấn/năm; zircon siêu mịn: 15 - 35 ngàn tấn/năm; pigment: 50 - 100 ngàn tấn/năm; titan xốp/titan kim loại: 10 ngàn tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng chì - kẽm: kẽm thỏi: 12 - 15 ngàn tấn/năm; chì thỏi: 5 ngàn tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng sắt: tinh quặng sắt: 270 ngàn - 6 triệu tấn/năm (trong đó dùng trong sản xuất phôi thép 390 ngàn - 4 triệu tấn/năm); phôi thép: 200 ngàn - 2.220 ngàn tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng thiếc: phân đầu đạt 300 tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng cromit: ferocrom phân đầu đạt 20 ngàn tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng đồng: đồng catot 18,2 - 30 ngàn tấn/năm và các sản phẩm đi kèm (vàng thỏi 664 - 940 kg/năm; bạc thỏi 670 - 1.150 kg/năm).

+ Sản phẩm từ quặng đất hiếm: Tổng ôxit đất hiếm có hàm lượng TREO \geq 95%: 10 - 30 ngàn tấn/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045:

+ Sản phẩm từ quặng bô xít: alumin 4,0 - 6,0 triệu tấn/năm (trong đó dùng cho điện phân nhôm khoảng 1,0 - 2,0 triệu tấn/năm); nhôm thỏi: 0,5 - 1,0 triệu tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng titan: xỉ titan 100 - 150 ngàn tấn/năm; zircon siêu mịn: 30 - 60 ngàn tấn/năm; pigment: 100 - 150 ngàn tấn/năm; titan xốp/titan kim loại: 20 ngàn tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng chì - kẽm: kẽm thỏi 15 ngàn tấn/năm; chì thỏi 5 ngàn tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng sắt: tinh quặng sắt 7,0 - 10,0 triệu tấn/năm (trong đó dùng cho sản xuất phôi thép khoảng 4,0 triệu tấn/năm); phôi thép 2.220 ngàn tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng thiếc: thiếc thỏi 300 tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng cromit: ferocrom 20 ngàn tấn/năm.

+ Sản phẩm từ quặng đồng: đồng tấm ≥ 30 ngàn tấn/năm và các sản phẩm đi kèm (vàng thỏi ≥ 940 kg/năm; bạc thỏi ≥ 1.150 kg/năm).

+ Sản phẩm từ quặng đất hiếm: Tổng ôxit đất hiếm có hàm lượng TREO $\geq 95\%$: 20 - 30 ngàn tấn/năm; phần đầu sản xuất tới nguyên tố đất hiếm riêng rẽ (REO).

c) Công nghiệp điện

- Giai đoạn 2021 - 2030: đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương II để nâng tổng công suất đặt các nhà máy điện của TKV lên 1.845 MW; sản lượng điện phát: 10 - 11 tỷ kWh/năm; nghiên cứu công nghệ chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than...

- Giai đoạn 2031 - 2045: phát triển năng lượng tái tạo theo quy hoạch để tự cung, phù hợp với phát triển công nghiệp nhôm tại Tây Nguyên; tối đa hóa chuỗi giá trị dịch vụ phát điện - sửa chữa - cung cấp, thay thế phụ tùng thiết bị; nghiên cứu thực hiện chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than hiện có theo lộ trình phù hợp...

d) Vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất

- Giai đoạn 2021 - 2030: sản lượng thuốc nổ 75 - 61 ngàn tấn/năm (giảm dần theo nhu cầu thị trường); sản lượng amoni nitrat và tiền chất thuốc nổ khác 172 - 205 ngàn tấn/năm; amoniac 100 - 150 ngàn tấn/năm (sau năm 2025).

- Giai đoạn 2031 - 2045: sản lượng thuốc nổ 61 - 50 ngàn tấn/năm (giảm dần theo nhu cầu thị trường); sản lượng amoni nitrat và tiền chất thuốc nổ khác 205 ngàn tấn/năm; amoniac 200 - 300 ngàn tấn/năm.

đ) Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính

- Công nghiệp cơ khí: Đẩy mạnh chế tạo thiết bị mỏ, tiến đến chủ động được đa số các thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất, chế biến (sàng - tuyển) than và khoáng sản.

- Công nghiệp vật liệu xây dựng: Duy trì sản lượng sản xuất vật liệu xây dựng, nghiên cứu đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng xanh từ các nguồn xít thải nhà máy tuyển than, tro xỉ nhà máy nhiệt điện và chất thải rắn của quá trình khai thác than, khoáng sản phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế tuần hoàn.

- Các ngành nghề khác: Cung cấp dịch vụ xây lắp mỏ, xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông; thăm dò, khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế, thí nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo; dịch vụ cảng biển, kho bãi, logistic; dịch vụ y tế khám chữa bệnh nghề nghiệp...

e) Mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận

- Doanh thu:

+ Giai đoạn 2021 - 2030 dự kiến: 130 - 200 ngàn tỷ đồng/năm.

+ Giai đoạn 2031 - 2045 dự kiến: 200 - 300 ngàn tỷ đồng/năm.

- Lợi nhuận:

+ Giai đoạn 2021 - 2030 dự kiến: 3,5 - 6,0 ngàn tỷ đồng/năm.

+ Giai đoạn 2031 - 2045 dự kiến: 6,0 - 7,0 ngàn tỷ đồng/năm.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chiến lược phát triển các lĩnh vực

a) Định hướng phát triển sản phẩm

- Tiếp tục phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao theo hướng chế biến sâu, nâng cao hàm lượng công nghệ và chất lượng.

- Tập trung phát triển các sản phẩm chính đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế quốc dân đi đôi với xuất khẩu các sản phẩm có thế mạnh: than, nhiên liệu từ than, đồng, chì-kẽm, ti-tan, phôi thép, alumin, nhôm thời, tiền chất sản xuất thuốc nổ, VLNCN và hóa chất mỏ trên nền than - khoáng sản, vật liệu xây dựng và công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm tái chế từ chất thải.

- Tập trung nghiên cứu tạo ra các sản phẩm sạch hơn, thân thiện với môi trường trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ chế biến than, khoáng sản và công nghệ tái chế để tái sử dụng chất thải.

b) Định hướng thị trường

- Công nghiệp than: Tham gia tích cực thị trường năng lượng cạnh tranh trong nước. Đa dạng hóa nguồn than nhập khẩu phục vụ kinh doanh, đáp ứng nhu cầu than cho các nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) có cam kết với TKV và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Giữ vững vai trò TKV là một trong những đầu mối nhập khẩu than lớn trong nước.

- Công nghiệp khoáng sản - luyện kim: Tiếp tục ưu tiên củng cố thị trường nội địa, trên cơ sở đó mở rộng và phát triển ra thị trường quốc tế.

- Công nghiệp điện: Khai thác triệt để các cơ hội thị trường để tối đa hoá lợi nhuận bằng chiến lược chào giá. Tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, nghiên cứu phương án, giải pháp để các nhà máy điện của TKV có thể bán điện đầu vào trực tiếp cho các hộ tiêu thụ lớn trong Tập đoàn để tối ưu hoá nguồn lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của hệ sinh thái TKV.

- VLNCN và hóa chất: Củng cố, phát triển để chiếm lĩnh tối đa thị trường cung ứng VLNCN, dịch vụ nổ mìn trong nước. Duy trì là nhà cung cấp chủ yếu về nguyên liệu, tiền chất thuốc nổ để sản xuất VLNCN trong nước. Tiếp tục tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm VLNCN, tiền chất thuốc nổ ra các nước trong khu vực. Hình thành phát triển kênh phân phối VLXD, kinh doanh vật tư thiết bị, hoá chất, dịch vụ tư vấn kỹ thuật công nghệ, logistics, sản xuất phân bón, bao bì...

c) Định hướng đầu tư

- Đầu tư tăng năng lực sản xuất và phát triển các sản phẩm chính.

- Đầu tư duy trì sản xuất ổn định các dự án đã triển khai và tập trung các nguồn lực để đầu tư mở rộng, đầu tư mới các dự án thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính theo các Chiến lược, Quy hoạch ngành Quốc gia. Theo đó, huy động các nguồn lực để tự đầu tư, hợp tác đầu tư, nghiên cứu phát triển các lĩnh vực: Duy trì ổn định sản lượng than, mở rộng khai thác bô-xít - alumin - nhôm; khai thác - chế biến sâu khoáng sản titan - zircon, cromit, đồng, sắt (mỏ Thạch Khê khi được cấp có thẩm quyền cho phép), khai thác, chế biến đất hiếm tại Lai Châu và khai thác than tại Bể than đồng bằng sông Hồng khi lựa chọn được công nghệ phù hợp...

- Đầu tư đồng bộ và phát triển công nghiệp hỗ trợ, các cơ sở hạ tầng - logistics phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư tạo ra các sản phẩm sạch hơn thân thiện với môi trường, nâng cao chuỗi giá trị.

- Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, CGH, TĐH và CDS,...

- Tìm kiếm cơ hội, hợp tác đầu tư tại nước ngoài để phát triển sản xuất kinh doanh.

d) Định hướng công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Thực thi chính sách bảo vệ môi trường (BVMT) gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính; tăng cường tận thu tài nguyên, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác phòng ngừa các sự cố môi trường; đẩy mạnh đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan, trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tái chế, tái sử dụng tối đa các loại chất thải phát sinh trong sản xuất để giảm thiểu phát thải và làm nguyên vật liệu đầu vào của ngành khác hay tuần hoàn trong nội bộ TKV; các khu vực sau khi kết thúc khai thác mỏ được cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định của pháp luật để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như kinh tế rừng, năng lượng tái tạo, du lịch - dịch vụ,...

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp sản xuất sạch hơn, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong sản xuất; từng bước đưa công nghiệp than trở thành ngành kinh tế xanh - kinh tế tuần hoàn, phát triển hài hoà, thân thiện với môi trường, cộng đồng; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh.

- Bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh - kinh tế tuần hoàn đối với các ngành, lĩnh vực khác của TKV, trong đó bổ sung phương án tái chế, tái sử dụng và việc giảm thiểu, chất thải phát sinh từ các ngành, lĩnh vực sản xuất.

- Thực thi các chính sách về bảo tồn thiên nhiên nhiên và đa dạng sinh học; đẩy mạnh phục hồi các hệ sinh thái, bảo vệ các cảnh quan thiên nhiên. Nghiên cứu, đề xuất các dự án ưu tiên giai đoạn đến năm 2045 về phục hồi và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học nhằm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu và nâng cao công tác bảo vệ môi trường.

- Phòng chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy; bảo vệ nước dưới đất; phòng, chống sụt, lún đất và phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông... đảm bảo quy định của Luật Tài nguyên nước.

- Đề xuất việc xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; thu gom, sử dụng nước mưa; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu của TKV giai đoạn đến năm 2030, định hướng tới 2050.

đ) Định hướng công tác an toàn lao động

- Thực hiện tiêu chí: An toàn - Hiện đại - Thân thiện với môi trường.

- Xây dựng hệ thống quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động phù hợp với quy mô, điều kiện hoạt động sản xuất của Tập đoàn.

- Tập trung đẩy mạnh công tác giáo dục nhận thức, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động kết hợp với ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là các thành tựu của CMCN 4.0 để nâng cao chất lượng dự báo, phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục hiệu quả các rủi ro về an toàn lao động.

- Đẩy mạnh các hình thức, biện pháp, hoạt động trong công tác tuyên truyền, huấn luyện, kiểm tra, khen thưởng, xử lý kỷ luật trong công tác quản lý về an toàn lao động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV.

e) Định hướng phát triển nguồn vốn và nâng cao tiềm lực tài chính

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu của TKV trên cơ sở không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Đẩy mạnh triển khai các giải pháp để huy động các nguồn vốn ổn định lâu dài, chi phí hợp lý từ các tổ chức tài chính trong và ngoài nước đảm bảo đủ, kịp thời nguồn lực tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển các dự án mới.

g) Định hướng phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực quản lý có năng lực phù hợp với định hướng, quy mô phát triển của Tập đoàn.

- Duy trì ổn định nguồn lao động phục vụ sản xuất các lĩnh vực hiện nay của TKV; đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp để phát triển sản xuất các ngành nghề sản xuất mới theo định hướng phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn tới, đặc biệt là các lĩnh vực đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao như luyện nhôm, titan, chế biến đất hiếm...

h) Định hướng phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo gắn với giá trị văn hóa truyền thống của TKV trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Duy trì và phát triển văn hóa chia sẻ thành công, đồng hành có trách nhiệm của người lao động, doanh nghiệp với sự phát triển cộng đồng xã hội.

- Khởi tạo văn hóa công dân số phù hợp với nền kinh tế số, văn hóa số đậm đà bản sắc dân tộc, bản sắc TKV.

2. Định hướng phát triển các ngành sản xuất - kinh doanh

a) Định hướng phát triển công nghiệp than

- Công tác thăm dò phải luôn đi trước một bước; thăm dò đánh giá trữ lượng than hiện có đảm bảo độ tin cậy phục vụ thiết kế khai thác kết hợp đẩy mạnh thăm dò các mỏ mới nhằm chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho sự phát triển ổn định, lâu dài lĩnh vực sản xuất than của TKV nói riêng và ngành than nói chung.

- Đổi mới và áp dụng công nghệ thăm dò tiên tiến, đặc biệt đối với những khu vực có điều kiện địa chất phức tạp, độ sâu lớn; tiếp tục tìm kiếm đối tác nghiên cứu lựa chọn công nghệ, phương pháp thăm dò thích hợp để thăm dò Bể than đồng bằng sông Hồng.

- Tập trung phát triển, duy trì các mỏ hầm lò sản lượng lớn theo tiêu chí “Mỏ xanh, Mỏ hiện đại, Mỏ sản lượng cao, Mỏ an toàn”. Phát triển các mỏ khai thác lộ thiên theo hướng nâng cao hệ số bóc giới hạn, phù hợp với điều kiện kinh tế, kỹ thuật và quy hoạch liên quan; thực hiện công tác đổ thải đất đá theo hướng sử dụng tối đa bãi thải trong.

- Liên thông các mỏ sản lượng nhỏ có điều kiện địa chất, địa lý, hạ tầng phù hợp thành các mỏ sản lượng lớn. Khai thác an toàn, tiết kiệm, tận thu hiệu quả nguồn tài nguyên than đã được giao quản lý bao gồm cả trữ lượng than tại các khu vực trụ bảo vệ các công trình và phần tài nguyên than tồn thất còn lại sau khi đã kết thúc khai thác hầm lò, trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phát triển sản lượng khai thác theo hướng bền vững, hiệu quả.

- Duy trì, cải tạo các nhà máy sàng tuyển, trung tâm chế biến than hiện có kết hợp việc duy trì hợp lý các cụm sàng mỏ; tiếp tục đầu tư xây dựng mới nhà máy sàng tuyển tập trung; chế biến than trong nước kết hợp với pha trộn than nhập khẩu theo hướng tối đa chủng loại than cho sản xuất điện; đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước phù hợp theo thị trường. Chú trọng công tác khai thác than bùn làm nhiên liệu và phân bón phục vụ nhu cầu của ngành nông, lâm nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác than, nhất là các mỏ than lớn, mỏ than gần khu dân cư, thành thị, ven biển..., các mỏ than có điều kiện địa chất phức tạp.

- Tổ chức hệ thống vận tải (đường bộ, đường sắt, băng tải) phù hợp với năng lực sản xuất than từng khu vực, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hiệu quả kinh tế; gắn các mỏ than với các hệ tiêu thụ lớn trong khu vực, phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị và cơ sở hạ tầng các khu vực có hoạt động khai thác than; tăng cường sử dụng băng tải, đường sắt, đường thủy để vận tải than, hạn chế tối đa hình thức vận tải bằng ô tô để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Đầu tư cải tạo và xây dựng mới các cảng than nội địa để phục vụ xuất, nhập, pha trộn than với công nghệ tiên tiến hiện đại, thân thiện với môi trường. Quy hoạch các kho, cảng đầu mối phục vụ nhập khẩu, trung chuyển và cung ứng than theo từng khu vực (phía Bắc và phía Nam) phù hợp với định hướng phát triển của TKV theo từng giai đoạn.

- Khai thác và sử dụng đất đá thải mỏ phục vụ san lấp mặt bằng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, cải tạo phục hồi môi trường khai thác; nghiên cứu chế biến đất đá thải mỏ để làm vật liệu xây dựng nhằm tăng hiệu quả của công tác khai thác, sử dụng đất đá thải mỏ.

- Hoàn thiện mô hình kinh doanh “vừa sản xuất vừa thương mại than”. Chuẩn bị tốt các nguồn lực để tham gia tích cực thị trường năng lượng cạnh tranh.

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư khai thác than tại nước ngoài. Nhập khẩu than phù hợp nhu cầu thị trường đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng than trong nước, đặc biệt là than cho sản xuất điện. Xuất khẩu loại than chất lượng cao mà trong nước không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết, tăng cường công tác chế biến các loại than chất lượng cao từ than sản xuất trong nước phù hợp nhu cầu thị trường thế giới để xuất khẩu.

- Thực hiện dự trữ than phù hợp, đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất điện; xây dựng kế hoạch và tối ưu hoá các giải pháp cung cấp than ổn định cho sản xuất điện theo cơ chế thị trường, phù hợp với Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Định hướng phát triển công nghiệp khoáng sản - luyện kim

- Phát triển ngành công nghiệp khoáng sản của TKV ngang tầm ngành công nghiệp than trên cơ sở tăng cường công tác thăm dò phát triển tài nguyên, đầu tư phát triển các mỏ mới, kết hợp với giải pháp đa dạng hóa nguồn cung quặng/tinh quặng (hợp tác khai thác, nhập khẩu) nhằm đáp ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến khoáng sản hoạt động ổn định, bền vững; duy trì sản xuất hiệu quả các tổ hợp khai thác - chế biến khoáng sản đã đầu tư; đẩy mạnh công tác khai thác mở rộng, xuống sâu các mỏ đã cấp phép khai thác (đối với quặng sắt mỏ sắt Thạch Khê, TKV sẽ triển khai theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị tại văn bản số 13105/CV-VPTW ngày 15 tháng 01 năm 2025 về Đề án chủ trương đối với Dự án khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh), cấp phép khai thác mỏ cromit Cổ Định theo chỉ đạo tại Nghị Quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng và Kết luận 31-KL/TW ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển ngành công nghiệp bô - xít - alumin - nhôm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chủ trì từ công tác thăm dò, khai thác bô - xít đến phát triển công nghiệp sản xuất alumin - nhôm, tạo động lực dẫn dắt phát triển ngành công nghiệp nhôm của Việt Nam và góp phần vào phát triển kinh tế tại các tỉnh vùng Tây Nguyên trên cơ sở đầu tư mở rộng nâng công suất Tổ hợp alumin Tân Rai, Nhân Cơ lên khoảng 2,0 triệu tấn alumin/năm/tổ hợp; đầu tư mới Tổ hợp bô xít - alumin - nhôm Đắk Nông 2 công suất 2,0 triệu tấn alumin/năm, 0,5 triệu tấn nhôm/năm và dự án nhà máy điện phân nhôm tại tỉnh Lâm Đồng với công suất 0,5 triệu tấn/năm. Trong đó, phần đầu hoàn thành dự án nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông 2 trong năm 2030, để nâng cao giá trị chế biến sâu, góp phần xây dựng tỉnh Đắk Nông thành trung tâm công nghiệp nhôm quốc gia.

- Chế biến sâu các loại khoáng sản để tạo ra sản phẩm giá trị kinh tế cao; nghiên cứu đầu tư dự án nhà máy sản xuất phôi thép tại Hà Tĩnh (trường hợp dự án khai thác, chế biến sắt mỏ Thạch Khê được cấp có thẩm quyền cho phép tiếp tục triển khai), nhà máy sản xuất tổng ôxít đất hiếm/đất hiếm riêng rẽ, zircon siêu mịn, pigment, titan xốp/titan kim loại và các sản phẩm chế biến sâu từ đồng cathode.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao, tiếp thu, ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, chuyển đổi công nghệ, thiết bị của các công đoạn: thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, bảo vệ môi trường đối với từng nhóm/loại khoáng sản. Đối với khoáng sản bô-xít Tây Nguyên, titan Bình Thuận, đất hiếm Lai Châu, crômit Thanh Hóa, các mỏ đồng tại Lào Cai... đầu tư phát triển hình thành các tổ hợp khai thác gắn với chế biến, áp dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại. Cải tạo phục hồi môi trường các mỏ khoáng sản sau khi kết thúc khai thác theo hướng lồng ghép tái tạo, phục hồi môi trường kết hợp phát triển các dự án xanh, phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế thân thiện môi trường.

- Đa dạng hóa sản phẩm khoáng sản phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ, mở rộng hình thức đầu tư, hợp tác nghiên cứu, đầu tư; khai thác tối đa giá trị mô hình liên thông Than - Khoáng sản - Luyện kim để hình thành hệ sinh thái TKV phù hợp với định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn: Than - Điện - Luyện kim.

- Kết hợp với các bộ, ngành, địa phương để thúc đẩy đầu tư nâng cấp, xây mới hạ tầng, logistics đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm khoáng sản của Tập đoàn. Đảm bảo cân đối, hài hòa giữa xuất khẩu, nhập khẩu, trước hết đảm bảo nhu cầu sử dụng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho các dự án chế biến; xuất khẩu khoáng sản đã qua chế biến đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo quy định, đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác đền bù, GPMB, tái định cư; xây dựng phương án và đề xuất cơ chế sử dụng đất sau khai thác theo hướng ưu tiên tối đa bố trí tái định canh, một phần dành cho tái định cư và một phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương gắn với việc có giải pháp hoàn trả hoặc cho phép TKV hoạch toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại TKV theo quy định để đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, Tập đoàn, người dân trong khu vực thu hồi đất phục vụ các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản, đặc biệt là đối với khoáng sản dạng bề mặt (bô-xít, titan).

c) Định hướng phát triển công nghiệp điện

- Cải tạo, nâng cấp, đổi mới công nghệ các nhà máy điện than hiện có để tận dụng nguồn than chất lượng thấp, hoàn thành dự án đầu tư đã có trong Quy hoạch điện VIII.

- Nghiên cứu đầu tư một số dự án NLTT, triển khai các dự án điện mặt trời áp mái tại các văn phòng, trụ sở tại các đơn vị của TKV; hình thành các tổ hợp cung cấp năng lượng theo mô hình tự sản - tự tiêu.

- Thực hiện chuyển đổi nhiên liệu theo lộ trình phù hợp gắn với hiện đại hoá sản xuất, quản trị nhà máy điện tiên tiến; áp dụng các công nghệ giảm phát thải, công nghệ xanh phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ của thế giới. Định hướng thực hiện chuyển đổi nhiên liệu sang sinh khối và amoniac với các nhà máy nhiệt điện than đã vận hành sau 20 năm khi giá thành phù hợp và có hành lang pháp lý đầy đủ.

- Chuẩn bị các nguồn lực về con người, hạ tầng và mô hình tổ chức để sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

d) Định hướng phát triển vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất

- Tiếp tục phát triển sản phẩm cốt lõi là VLNCN, tiền chất thuốc nổ và chuỗi sản phẩm dịch vụ. Phát triển sản xuất một số loại tiền chất thuốc nổ khác như: natri nitrat (NaNO_3)...

- Nghiên cứu sản xuất, ứng dụng thay thế dần nguyên liệu, vật tư đang nhập khẩu (amoniac- NH_3 ...) để phục vụ cho các dây chuyền sản xuất: amoni nitrat, nhũ tương hầm lò, nhũ tương rời, chuyển đổi năng lượng xanh...

- Đầu tư sản xuất phân bón, tham gia chuỗi sản xuất cung ứng các sản phẩm hóa chất cơ bản dùng trong công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, hóa dầu; công nghiệp xử lý nước, sản xuất chất tẩy rửa, xút lỏng, một số sản phẩm phụ trợ khác cho nông nghiệp và các chế phẩm kèm theo tiến tới doanh thu hoá chất tiệm cận với sản phẩm chính.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm VLNCN, tiền chất thuốc nổ và dịch vụ khoan, nổ, mìn ra các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Indônêxia...

3. Định hướng phát triển mô hình kinh doanh, mô hình tổ chức

a) Định hướng phát triển mô hình kinh doanh

Gắn kinh doanh với sản xuất tạo ra chuỗi giá trị khai thác, chế biến than - khoáng sản, sản xuất điện, luyện kim, VLNCN, dịch vụ logistic phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ việc sử dụng các hóa chất độc hại, tái sử dụng, tái chế chất thải (đất đá thải, nước thải đã qua xử lý, chất thải công nghiệp...) làm nguyên vật liệu cho phát triển hạ tầng và công nghiệp; đi đôi với phát triển theo chiều rộng, tăng cường phát triển theo chiều sâu bằng cách áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại. Từng bước tiến tới liên thông 03 phân ngành sản xuất kinh doanh chính của TKV là “Than - Điện - Luyện kim”.

b) Định hướng phát triển mô hình tổ chức Công ty mẹ - TKV

- Tiếp tục hoạt động theo mô hình hoạt động hỗn hợp, theo đó Công ty mẹ - TKV vừa thực hiện chức năng đầu tư tài chính, vừa trực tiếp hoạt động sản xuất - kinh doanh.

- Phân công nhiệm vụ của các đơn vị chế biến, kho vận, giao nhận và kinh doanh than thuộc Công ty mẹ - TKV nhằm chủ động trong công tác tiêu thụ than, nhập khẩu than.

- Thực hiện lộ trình cổ phần hóa Công ty mẹ - TKV vào thời điểm phù hợp theo tiến độ do Chính phủ phê duyệt.

c) Định hướng phát triển mô hình tổ chức các công ty thành viên

- Duy trì tỷ lệ nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần chi phối ở các công ty con hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chính và liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính.

- Tổ chức lại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên: Hợp nhất nhằm tăng quy mô một số công ty cổ phần sản xuất than có vị trí địa lý và tài nguyên liền kề nhau; tổ chức lại các viện nghiên cứu theo mô hình Nghiên cứu - Chế tạo - Chuyển giao công nghệ; tổ chức lại các đơn vị tư vấn đầu tư, thiết kế, giám sát và quản lý dự án theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp; tổ chức lại các công ty thăm dò địa chất mỏ để hình thành các công ty đủ mạnh thực hiện các hoạt động khảo sát, thăm dò than - khoáng sản trong và ngoài nước.

- Thoái vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết kinh doanh kém hiệu quả hoặc không phù hợp với định hướng phát triển trong giai đoạn tới.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện các đột phá chiến lược

a) Phát triển kinh tế xanh (KTX) - kinh tế tuần hoàn (KTTH)

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn đến đội ngũ cán bộ, người lao động. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển KTX, KTTH tại các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh; phát triển mô hình KTX, KTTH phù hợp với mô hình kinh doanh và tổ chức quản lý của TKV.

- Căn cứ các chính sách phát triển về KTX, KTTH của quốc gia, nghiên cứu xây dựng, triển khai các cơ chế chính sách, kế hoạch thực hiện các chương trình, dự án KTX, KTTH; lồng ghép chương trình phát triển KTX, KTTH của TKV tại các tổ hợp Than - Điện, Khoáng sản - Luyện kim... với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chuyển dịch năng lượng công bằng theo hướng xanh, sạch, trung hòa các - bon; áp dụng công nghệ thu giữ, lưu trữ các - bon, công nghệ phát thải các - bon thấp, công nghệ xử lý tro xỉ nhà máy nhiệt điện thành vật liệu xây dựng; phát triển năng lượng tái tạo; trồng rừng, cải tạo, phục hồi môi trường tại các khu vực bãi thải và khu vực mỏ đã kết thúc khai thác; chủ động kết nối, tham gia mua bán, trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các - bon theo lộ trình cam kết của Chính phủ.

- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế để tìm kiếm cơ hội tiếp cận tri thức, kỹ năng và nguồn lực phát triển KTX, KTTH thông qua các dự án hỗ trợ, cụ thể về KTX, KTTH, các dự án về công nghệ, dịch vụ (công nghệ thông tin, môi trường...) thân thiện với môi trường.

b) Đẩy mạnh ứng dụng Chuyển đổi số

- Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo và người lao động trong toàn TKV về vai trò và tầm quan trọng của CDS; tăng cường tuyên truyền, tổ chức hội thảo, hội nghị phổ biến về CDS thông qua các kênh thông tin, bản tin, sự kiện...

- Xây dựng và ban hành chiến lược, kế hoạch CDS tổng thể; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia vào quá trình CDS.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về CNTT, CDS cho đội ngũ cán bộ, người lao động, nhất là đội ngũ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo sự thống nhất trong triển khai thực hiện CDS.

- Xây dựng các quy trình số và hoàn thiện hạ tầng số; triển khai các ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn an ninh thông tin. Hoàn thành mô hình kết nối trao đổi thông tin số với Chính phủ số và các doanh nghiệp, đơn vị khác trong và ngoài nước.

- Tăng cường, thúc đẩy đầu tư, ứng dụng tự động hóa tại các mỏ/nhà máy; áp dụng mô hình quản lý và sản xuất thông minh dựa trên nền tảng công nghệ của cuộc CMCN 4.0.

c) Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên toàn bộ các lĩnh vực; nâng cao năng lực quản lý, chuẩn hoá các mô hình quản trị doanh nghiệp và tiềm lực khoa học và công nghệ của TKV...; đầu tư tập trung, có trọng tâm vào một số đơn vị để xây dựng hình mẫu các doanh nghiệp trong thời kỳ mới.

- Đầu tư phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường phát triển nguồn nhân lực phục vụ đồng thời công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ đảm bảo đủ về số lượng, ngành nghề, có chất lượng chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại TKV.

- Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong và ngoài TKV; tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế để tiếp cận, nắm bắt những công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến than - khoáng sản; nghiên cứu, đầu tư áp dụng phù hợp với thực tế sản xuất tại Tập đoàn.

2. Giải pháp chung

a) Giải pháp về thị trường

- Thị trường trong nước và xuất khẩu: Đảm bảo nguồn cung ổn định, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường quản lý, quản trị để giảm giá thành sản xuất, giá bán cạnh tranh kết hợp với hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm cho các bạn hàng trong và ngoài nước.

- Thị trường nhập khẩu: Từng bước đầu tư xây dựng hạ tầng, hệ thống logistics phục vụ nhập khẩu than và hàng hóa; đẩy mạnh thương mại, hợp tác đầu tư với các nước có tài nguyên than để có nguồn cung than ổn định; đa dạng hóa nguồn than nhập khẩu.

- Giải pháp thị trường đối với từng loại sản phẩm:

(i) Đối với than: Tập trung đáp ứng ở mức cao nhu cầu thị trường trong nước, nhất là than cho sản xuất điện; tăng cường công tác khảo sát, tìm kiếm các nguồn cung cấp than trên thế giới, đồng thời với việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nhập khẩu, pha trộn và cung ứng than cho tất cả các hộ tiêu thụ do TKV đảm nhận; tăng cường nhập khẩu từ các nước Lào, Indonesia, Úc, Nga, Nam Phi... than bitum và á bitum cung ứng cho các NMNĐ và nhập khẩu antraxit để pha trộn nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước.

(ii) Đối với các sản phẩm khoáng sản chế biến sâu như alumin, hydrat, ferocrom... tiếp tục mở rộng thị phần tại thị trường hiện có và phát triển sang các thị trường mới theo hướng phát triển bền vững.

(iii) Đối với điện: Tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh hoàn chỉnh và chuẩn bị nguồn lực, lộ trình tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh nhằm cung cấp điện trực tiếp cho các khách hàng lớn thuộc TKV.

(iv) Đối với các sản phẩm khác như VLNCN và sản phẩm cơ khí: Đáp ứng nhu cầu trong nước, từng bước mở rộng và phát triển ra thị trường khu vực và thế giới.

b) Giải pháp về đầu tư

- Bố trí các nguồn lực phù hợp để thực hiện thăm dò, duy trì các mỏ hiện có và phát triển các dự án khai thác, chế biến than, điện, khoáng sản mới trong Quy hoạch về tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV; đảm bảo an sinh xã hội, thu nhập cho người lao động.

- Tăng cường huy động mọi nguồn lực của xã hội, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư bằng các hình thức khác nhau vừa nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển, giải quyết vấn đề lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát triển hài hòa với cộng đồng, xã hội.

- Tận dụng tối đa năng lực sẵn có của các đơn vị trên cùng địa bàn, trên cơ sở hai bên cùng có lợi theo các hình thức liên kết, liên danh, thuê mượn tài sản, thuê làm dịch vụ trọn gói từng vụ việc...

- Đẩy mạnh hợp tác - liên kết giữa các doanh nghiệp trong và ngoài ngành, tận dụng khả năng hợp tác với nước ngoài, trọng tâm là lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao - tiếp nhận công nghệ mới.

- Nâng cao chất lượng công tác tư vấn từ khâu thăm dò đến khai thác, chế biến than, khoáng sản: bám sát thực tế điều kiện địa chất của các mỏ than, khoáng sản, áp dụng CNTT để nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư; dự báo thị trường hợp lý để có kế hoạch đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản phù hợp.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý dự án: xây dựng kế hoạch, theo dõi, giám sát đầu tư chặt chẽ, kịp thời xử lý các tình huống phát sinh để đảm bảo tuân thủ theo kế hoạch thực hiện đề ra; cập nhật các quy định hiện hành của nhà nước về công tác quản lý đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án đầu tư.

c) Giải pháp về phát triển nguồn vốn và nâng cao tiềm lực tài chính

- Tận dụng mọi nguồn lực để huy động nguồn vốn vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

- Đa dạng hóa phương thức huy động vốn: phát hành trái phiếu; niêm yết trái phiếu và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; liên doanh, liên kết để thu hút các nguồn lực của xã hội.

- Huy động vốn ưu đãi có chi phí thấp trên thị trường quốc tế cho các dự án phát triển năng lượng tái tạo, dự án chế biến alumin và luyện nhôm.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thu xếp vốn, hoàn trả vốn cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Tập đoàn trong trung và dài hạn.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để tăng cường khả năng huy động vốn:

+ Nâng cao hiệu quả lợi nhuận tối thiểu hàng năm Công ty mẹ đạt 5.000 tỷ đồng;

+ Trích 30% lợi nhuận cho quỹ đầu tư phát triển để tạo nguồn bổ sung tăng vốn điều lệ;

+ Báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép tăng vốn điều lệ lên 42.000 tỷ đồng trước năm 2025, sau đó tăng lên 49.500 tỷ đồng trước năm 2030;

+ Thu xếp vốn vay tín dụng cho 70 - 80% tổng mức đầu tư các dự án; triển khai các dự án đúng tiến độ, sản xuất có hiệu quả;

+ Tìm kiếm, lựa chọn đối tác có năng lực để hợp tác đầu tư trong sản xuất nhôm thời, sản phẩm sau nhôm (khi có điều kiện);

+ Cân đối kế hoạch sử dụng vốn hài hòa giữa các năm.

d) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo; thường xuyên hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, hệ thống thang bảng lương, định mức lao động.

- Tập trung nguồn lực phù hợp để đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu thuộc các lĩnh vực SXKD chính.

- Hình thành đội ngũ quản lý doanh nghiệp được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt thông qua các giải pháp cụ thể:

+ Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp (cấp cơ sở, cấp trung và cấp chiến lược). Các cán bộ lãnh đạo, quy hoạch lãnh đạo cần bảo đảm có phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn doanh nghiệp, có tư duy đột phá, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của Tập đoàn và đơn vị.

+ Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong quản trị điều hành doanh nghiệp; giám sát chặt chẽ và xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cá nhân, vi phạm pháp luật.

- Xây dựng về đề xuất cơ chế chính sách đặc thù cho người lao động trong điều kiện vất vả, nặng nhọc; chuẩn bị đầy đủ lực lượng công nhân kỹ thuật các ngành nghề chính; thực hiện cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc; tăng cường tự đào tạo nhân lực; động viên, khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng.

- Hợp tác đào tạo với nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tập trung đào tạo, tuyển dụng nguồn lực chất lượng cao có trình độ ngoại ngữ, có kiến thức, có kinh nghiệm thực tế. Tiếp tục cử cán bộ các cấp đi học hỏi, tham quan thực tế tại các mỏ nước ngoài có trình độ công nghệ tiên tiến và hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại; tổ chức các chương trình đào tạo, trao đổi chuyên gia, trao đổi kinh nghiệm quản lý vận hành với các tổ chức quốc tế; cập nhật, nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý và người lao động về thị trường năng lượng cạnh tranh, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả...

đ) Giải pháp về chuyển dịch năng lượng công bằng, bền vững

- Tăng cường hợp tác, kêu gọi, tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các cam kết hỗ trợ quốc tế (JETP, ETM, AZEX,...) và sự hỗ trợ về tài chính của các tổ chức tài chính quốc tế về chuyển dịch năng lượng công bằng.

- Triển khai đột phá thí điểm pha trộn than với nhiên liệu sinh khối (Biomass), NH₃, Hydro xanh... tại các nhà máy điện than theo quy định, hướng dẫn cụ thể của cơ quan quản lý nhà nước. Triển khai các giải pháp về thu hồi, lưu giữ và tái sử dụng khí CO₂. Áp dụng các giải pháp công nghệ, hệ thống quản lý khí thải và chất thải trong ngành năng lượng theo hướng tiệm cận tiêu chuẩn của các nước phát triển.

- Thực hiện đầu tư, triển khai các dự án về năng lượng tái tạo; tăng cường thực hiện các giải pháp về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Bổ sung, chuyển đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh và đề xuất Chính phủ có cơ chế, chính sách hỗ trợ để ngành than tiếp tục phát triển bền vững, đảm bảo an sinh xã hội cho cán bộ, người lao động.

e) Giải pháp về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Duy trì vận hành có hiệu quả các công trình môi trường đã đầu tư, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, tuân thủ các thủ tục, quy định pháp luật của nhà nước và địa phương trong lĩnh vực quản lý môi trường.

- Tăng cường đầu tư các công trình đảm bảo mục tiêu môi trường một cách tổng thể, nhất là các công trình cải thiện môi trường cảnh quan các mặt bằng sản xuất, môi trường làm việc nhằm từng bước hoàn thành mục tiêu “Đưa công viên vào trong mỏ, nhà máy”, “Xanh hóa môi trường khai thác mỏ”; đồng thời triển khai thực hiện quản lý môi trường theo Tiêu chí môi trường “Sáng - Xanh - Sạch” mà TKV đã ban hành.

- Triển khai thực hiện các đề án bảo vệ môi trường dài hạn của TKV, làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành từ cơ quan quản lý điều hành đến các đơn vị thành viên được chủ động, tổng thể, đồng bộ với các quy hoạch liên quan, phù hợp với Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn.

- Quản lý và thực hiện công tác bảo vệ môi trường với trình độ khoa học công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến; tiếp tục chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ trong kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, lộ thiên; xây dựng và triển khai “Kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, định hướng tới 2050”.

- Từng bước nghiên cứu và triển khai thực hiện mục tiêu “Phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, nâng cao chuỗi giá trị khai thác khoáng sản của TKV” như: nghiên cứu triển khai tái chế nước thải mỏ sau xử lý thành nước sinh hoạt; thu hồi, chế biến đất đá thải sau khai thác khoáng sản tại các mỏ than và tro xỉ nhà máy điện thành vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng phục vụ phát triển kinh tế của các địa phương.

- Xây dựng kế hoạch quản lý và đào tạo các nội dung về BVMT một cách bài bản, thường xuyên đối với các cấp trong hệ thống tổ chức sản xuất của Tập đoàn để triển khai thực hiện tổng thể, đồng bộ, hiệu quả; tăng cường nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

g) Giải pháp về tái cơ cấu và cổ phần hóa

- Làm việc, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc về cơ chế chính sách trong việc xác định giá trị doanh nghiệp để xác định giá khởi điểm đấu giá chuyển nhượng vốn.

- Làm việc với các bộ, ngành, địa phương để có đủ cơ sở phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

- Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giải quyết những khó khăn trong việc xử lý tài chính (xử lý đối với tài sản hình thành từ nguồn quỹ phúc lợi, xử lý các khoản nợ khó đòi...) trước khi quyết định cổ phần hóa.

- Đẩy nhanh tiến độ quyết toán dự án đầu tư xây dựng và hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể, chấm dứt hoạt động của một số chi nhánh của TKV.

- Sớm triển khai và hoàn thành các đề án liên thông các mỏ có điều kiện địa chất, địa lý, hạ tầng phù hợp thành các mỏ, các công ty có sản lượng lớn.

h) Giải pháp về hợp tác và hội nhập quốc tế

- Đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương về đầu tư, thương mại, khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực về khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác. Theo đó, tập trung hợp tác quốc tế trong việc thu xếp nguồn vốn

đầu tư có giá trị lớn, chi phí hợp lý để phục vụ nhu cầu đầu tư các dự án trọng điểm để đạt được mục tiêu của chiến lược đề ra; tìm kiếm đối tác tin cậy, có kinh nghiệm để hợp tác chuyển giao - tiếp nhận công nghệ mới, hiện đại cho việc cải tạo công nghệ, dây chuyền thiết bị hiện có, đầu tư mới đảm bảo sản xuất xanh, bền vững phù hợp với lộ trình chuyển dịch năng lượng theo các tiêu chuẩn phát thải mới của Việt Nam và thế giới.

- Thông qua hợp tác quốc tế để phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao như liên kết đào tạo nghề, xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đào tạo giảng viên dạy nghề; đào tạo cán bộ trung, cao cấp; đào tạo chuyên gia v.v.

- Tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, tiếp thu tri thức, nhất là tri thức về quản lý và khoa học công nghệ.

- Chủ động xác định các lĩnh vực, nội dung ưu tiên hợp tác quốc tế trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước và của TKV.

- Tích cực tham gia các thể chế hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp với mục tiêu phát triển nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường và bền vững.

i) Giải pháp về phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong văn hóa doanh nghiệp của TKV với các nội dung: xác định sứ mệnh của TKV; xác định các giá trị cốt lõi trong hoạt động của TKV; hình thành các tiêu chuẩn ứng xử cho các thành viên của TKV; mô tả truyền thống và các đặc điểm hình thức của văn hóa doanh nghiệp.

- Hình thành văn hóa doanh nghiệp coi con người là trung tâm. Theo đó, các mục tiêu của tổ chức không được đối lập với lợi ích của nhân viên và hệ thống quản lý, cần đảm bảo sự tương tác giữa nhân viên và quản lý. Chú trọng cách thức truyền đạt văn hoá doanh nghiệp từ người quản lý sang cấp dưới, từ nhân viên có kinh nghiệm sang thành viên mới trong nhóm.

- Chú trọng văn hóa mục tiêu khi bối cảnh bên ngoài thay đổi. Điều này chủ yếu áp dụng cho những thay đổi mang tính sáng tạo, những hoạt động nhằm cải thiện một số lĩnh vực nhất định trong TKV.

- Chú trọng văn hoá của từng bộ phận trong doanh nghiệp (bộ phận, phân xưởng, nhóm/tổ/đội công tác) trong khi vẫn tuân thủ văn hoá doanh nghiệp chung của TKV.

3. Giải pháp cụ thể phát triển sản xuất kinh doanh

a) Giải pháp phát triển Công nghiệp than

- Thăm dò, khai thác: tiếp tục thăm dò, đầu tư dự án, khai thác các mỏ than theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023; tăng cường sản lượng khai thác trong nước, nhập khẩu than để pha trộn cung cấp cho các hộ tiêu thụ; xuất khẩu than theo hạn ngạch được chính phủ cho phép; liên thông các khoáng sàng gần nhau để hình thành các mỏ có công suất lớn (mỏ lộ thiên trên 3 triệu tấn/năm, mỏ hầm lò trên 2 triệu tấn/năm); đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tăng cường áp dụng cơ giới hoá, tự động hoá và chuyển đổi số; nghiên cứu áp dụng các công nghệ khai thác (mỏ hầm lò: không để lại trụ than bảo vệ, sử dụng trụ bảo vệ nhân tạo; mỏ lộ thiên: tăng cường ứng dụng hệ thống khai thác theo lớp đứng; công nghệ khai thác chọn lọc và khai thác vỉa mỏng; công nghệ đổ thải bãi thải tạm và bãi thải trong); áp dụng các giải pháp kỹ thuật để giảm thiểu tỷ lệ tổn thất và tăng tỷ lệ thu hồi than sạch.

- Chế biến, pha trộn than: hoàn thiện các phương thức sàng tuyển, chế biến với công nghệ tiên tiến, hiện đại, linh hoạt; nghiên cứu áp dụng việc pha trộn than anthraxit/hoặc than nâu nhập khẩu với than anthraxit trong nước để cung cấp cho các NMNĐ.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và kinh doanh than: tổ chức phân luồng vận chuyển than hợp lý theo các khu vực khai thác than thông qua việc gắn các mỏ, các vùng than với các hộ tiêu thụ lớn trong khu vực. Quy hoạch các kho, cảng đầu mối phục vụ tiếp nhận và trung chuyển than nhập khẩu thống nhất trên phạm vi cả nước với hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ logistics đồng bộ, đảm bảo tiếp nhận các tàu chở than lớn.

b) Giải pháp về phát triển công nghiệp khoáng sản - luyện kim

- Tổ chức thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng; Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, địa phương có liên quan.

- Đẩy nhanh ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng giải pháp kỹ thuật tiên tiến. Cơ giới hóa và đồng bộ thiết bị ở các khâu sản xuất, đẩy mạnh áp dụng các giải pháp tự động hóa, giám sát các công đoạn sản xuất.

- Tập trung nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật tại các cơ sở chế biến khoáng sản.

- Cụ thể hóa lộ trình thực hiện các nội dung công việc của các dự án một cách hợp lý, trong đó chú trọng đến tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng (GPMB), tái định cư, định canh cho dân cư vùng ảnh hưởng của các dự án.

- Bên cạnh việc thực hiện đền bù, tạo quỹ đất, cơ sở hạ tầng phục vụ công tác GPMB, tái định cư, định canh theo quy định cần xem xét đề xuất các nguồn vốn để phối hợp cùng chính quyền sở tại hỗ trợ người dân ổn định sản xuất, tạo điều kiện cho phát triển lâu dài, bền vững.

c) Giải pháp về phát triển công nghiệp điện

- Giải pháp về đầu tư: đề xuất cơ chế hợp tác, đầu tư các dự án NLTT như dự án điện mặt trời trên mặt nước, bãi thải mỏ, bãi thải quặng đuôi bô xít, các dự án điện mặt trời áp mái tại các văn phòng, trụ sở tại các đơn vị của TKV...; nghiên cứu áp dụng công nghệ pha trộn, chuyển đổi nhiên liệu sinh khối với than để giảm phát thải khí nhà kính; nghiên cứu để có thể từng bước đầu tư một số công nghệ áp dụng nâng cấp tính linh hoạt của các tổ máy nhiệt điện hiện có; nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để thu giữ và lưu trữ các - bon trong khói thải các nhà máy điện than. Thực hiện đầu tư dự án nhà máy Nhiệt điện Na Dương II theo Quy hoạch điện VIII.

- Giải pháp về sản xuất kinh doanh: đẩy mạnh đầu tư cải tạo, nâng cấp, đổi mới, cải tiến thiết bị để nâng cao hiệu suất nhà máy; chủ động sử dụng nguồn than nhập khẩu để pha trộn với than trong nước đảm bảo cấp than tối ưu chi phí cho các nhà máy điện; phát triển lĩnh vực dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng chuyên nghiệp; chuẩn bị mọi nguồn lực để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn và bán lẻ điện cạnh tranh.

d) Giải pháp về phát triển vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất

- Đối với thuốc nổ: nghiên cứu sản xuất sản phẩm thuốc nổ công nghiệp mới thân thiện với môi trường dùng trong khai thác mỏ; đa dạng hóa sản phẩm chất nhũ tương nền, nhũ tương đường kính nhỏ dùng trong công trình ngầm, tăng cường cơ giới hóa khâu nạp nổ; nghiên cứu sản xuất thuốc nổ nhũ tương bao gói có khả năng sử dụng trong môi trường có điều kiện nước ngầm cao hoặc lỗ khoan có độ nứt nẻ lớn, trong môi trường nước biển.

- Đối với tiền chất thuốc nổ: xây dựng phương pháp kiểm tra, đánh giá độ đóng bánh và độ bọc vỏ của sản phẩm amoni nitrat hạt xốp.

- Đối với amoniac (NH_3): đầu tư nhà máy sản xuất NH_3 theo công nghệ khí hóa than hoặc công nghệ tiên tiến khác với công suất 100 - 150 ngàn tấn/năm (giai đoạn 2026 - 2030) và 200 - 300 ngàn tấn/năm (giai đoạn sau 2030); nghiên cứu sản xuất phân bón để giảm phát thải khí CO_2 trong quá trình sản xuất amoniac.

- Đầu tư bổ sung các kho chứa amoni nitrat và bồn chứa NH_3 ,...; đầu tư xây dựng cảng hóa chất chuyên dụng tại vị trí phù hợp theo từng giai đoạn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo quy định của pháp luật. Trường hợp có phát sinh vướng mắc, hướng dẫn TKV thực hiện theo thẩm quyền và quy định có liên quan.

2. Cơ quan đại diện Chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của TKV để bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại TKV.

- Theo dõi, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển Tập đoàn. Kịp thời chỉ đạo, đôn đốc trong quá trình thực hiện; tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng, ban hành cơ chế chính sách để tạo điều kiện cho TKV hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược.

3. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

- Tổ chức phổ biến, quán triệt các quan điểm, mục tiêu và các nội dung của Chiến lược phát triển tập đoàn nhằm tạo sự đồng thuận, nhất trí cao từ cấp tập đoàn đến các đơn vị thành viên, từ cán bộ lãnh đạo đơn vị đến người lao động trong quá trình triển khai thực hiện.

- Xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm phù hợp để thực hiện có hiệu quả và đạt được các mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển Tập đoàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chiến lược phát triển TKV; đề xuất kịp thời việc sửa đổi, điều chỉnh Chiến lược để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

4. Văn phòng Chính phủ

Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược phát triển TKV được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 5239/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trưởng Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp; Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b)₃₄

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Bùi Thanh Sơn